

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1978

- *Bị đơn:* Ông **Hà Bảo Q1**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: số nhà 3174, Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(*Bà Q có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Q1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 21/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Q1 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Trung, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 09-01-1999, quyển số: 0199, số 02. Hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã hòa giải và tự điều chỉnh thói quen sinh hoạt cách nghĩ để tránh xung đột nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hà Bảo Q1.

- Về nuôi con chung: Bà Q trình bày có 03 con chung tên Hà Cao K, sinh ngày 12/10/1999, Hà Nguyễn Vân A, sinh ngày 14/01/2005, Hà Đức A1, sinh ngày 03/8/2006. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Vân A và Đức

A1, không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bà đang kinh doanh trầm với thu nhập hàng tháng là 15.000.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con. Riêng đối với cháu K nay đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông Q1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà trình bày có nợ Ngân hàng TMCPCT VN – Chi nhánh BL – Phòng giao dịch ĐT số tiền 700.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 19020107/2019-HĐCV/NHCT62231 ngày 08/10/2019. Nợ bà Nguyễn Thị Cẩm V số tiền 500.000.000đ, nợ bà Phạm Thị H số tiền 200.000.000đ, nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 150.000.000đ. Tổng nợ 1.550.000.000đ, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán 1/2 số nợ là 775.000.000đ. Tuy nhiên hiện nay những người cho vay không yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

Do không sắp xếp được thời gian và công việc nên bà Q yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q1 nhưng ông vẫn không đến Tòa án hoặc có đến nhưng tự ý bỏ về nên không ghi được lời khai của ông.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Q. Về hôn nhân: Bà Q được ly hôn với ông Q1. Đề nghị giao 02 con chung Hà Nguyễn Vân A, sinh ngày 14/01/2005, Hà Đức A1, sinh ngày 03/8/2006 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Q1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Q không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn ông Hà Bảo Q1 có nơi cư trú tại ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Q là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà là nguyên đơn, ông Q1 là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 04/5/2020 Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải, đồng thời Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Bà Q có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn ông Q1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Q và ông Q1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 02, quyền số:0199, ngày 09/01/1999. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà Q nghi ngờ ông Q1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác, ông Q1 có tính gia trưởng, ham chơi nên thường dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà Q khi hai bên cãi nhau. Sự việc đã được bà Q gửi đơn đến Công an xã PT nhờ can thiệp. Mặc dù đã hòa giải và tự điều chỉnh thói quen sinh hoạt, cách nghĩ để tránh xung đột nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, ông Q1 không quan tâm chăm sóc gia đình. Bản thân ông Q1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện ông Q1 có thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 27/4/2020 cũng phù hợp với lời khai bà Q. Như vậy ông bà đã không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng tại Điều của 18 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "*Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững*".

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông Q1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà, cho bà được ly hôn với ông Q1, quy định tại khoản 1, Điều 85; khoản 1, Điều 89; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà Q có nghề nghiệp kinh doanh và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời để ổn định cuộc sống và học tập cho 02 con chung, đồng thời các con chung đều có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với bà Q. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao 02 con chung Hà Nguyễn Văn A, sinh ngày 14/01/2005, Hà Đức A1, sinh ngày 03/8/2006 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho ông Q1 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu K hiện nay đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét

giải quyết. Căn cứ Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật hôn nhân và Gia đình. Ông Q1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung ông Q1 có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Q và ông Q1 tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Do ông Q1 không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

Nợ chung: Theo thông báo số 136/TB-BLO ngày 12/3/2020 của Ngân hàng TMCPCT VN – Chi nhánh BL – Phòng giao dịch ĐT không khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ngày 29/4/2020 bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị P có đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 23, 24, 25/TB-TA ngày 29/4/2020 theo quy định của pháp luật. Do ông Q1 không có văn bản trình bày ý kiến và các đương sự không khởi kiện, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 85; khoản 1, Điều 89; Các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Hà Bảo Q1.

- Về con chung: Giao 02 con chung Hà Nguyễn Vân A, sinh ngày 14/01/2005, Hà Đức A1, sinh ngày 03/8/2006 cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời miễn cho ông Q1 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Hà Cao K, sinh ngày 12/10/1999 hiện nay đã đủ thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Ông Q1 có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Q trình bày bà và ông Q1 tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Do ông Q1 không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ bà Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005797 ngày 25-02-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Q và ông Q1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PT (quyển số 0199, số 02) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

